

Số: 33/2022/QĐST-HNGĐ

Điện Biên, ngày 01 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 83/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Lò Thị V** – Sinh năm 1997

Nơi ĐKKHTT: Bản P, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Nơi tạm trú: Bản N, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên.

- Bị đơn: Anh **Lò Văn H** – Sinh năm 1989

Địa chỉ: Bản P, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 02 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 02 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Lò Thị V và anh Lò Văn H

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lò Thị V và anh Lò Văn H thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung:

Chị V và anh H có một con chung là cháu Lò Thị Kim A sinh ngày 20/8/2017, anh H được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị V có nghĩa vụ cấp dưỡng con chung với mức cấp dưỡng là 1.500.000/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng/tháng), cấp dưỡng bằng tiền mặt vào ngày 25 hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3 năm 2022 cho đến khi cháu Kim A đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của

cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày anh Hùng có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Vui không tự nguyện thi hành đối với khoản cấp dưỡng thì chị Vui phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Khoản 2 Điều 468/BLDS năm 2015.

2.3. Về quan hệ tài sản:

Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

2.4. Về án phí:

Căn cứ khoản 4, khoản 5 Điều 147/BLTTDS; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị V được miễn toàn bộ án phí DSST và án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh H phải chịu 75.000 đ án phí DSST

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự bảo cho người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự biết: Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Điện Biên;
- UBND xã T, huyện Đ (Nơi đăng ký kết hôn);
- Chi cục THADS huyện Điện Biên;
- Kế toán (để biết);
- Đương sự;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Yên